

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH – Công ty Điện lực Chợ Lớn Đại diện là ông: Lê Văn Đoàn Chức vụ: Q.Giám đốc Địa chỉ: 1A Thuận Kiều, Phường Chợ Lớn, TP.HCM Điện thoại: 028.2222.0567 – Fax: 028.2222.0554 Tài khoản: 1053940194 - Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Sài Thành. Mã số thuế: 0300951119-003
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: phường Bình Đông, Phú Định - Thành phố Hồ Chí Minh
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: Không có.
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Không có.
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: Không áp dụng.
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.
E-ĐKC 10	10.1. Tạm ứng: Đối với công tác khảo sát, lập BCKTKT : Chủ đầu tư tạm ứng 20% giá trị chi phí lập BCKTKT (trước thuế) xác định theo hợp đồng tư vấn công trình, trong vòng 14 ngày làm việc ngay sau khi nhận đủ các hồ sơ sau: + Hợp đồng tư vấn đã được ký kết và có hiệu lực; + Văn bản yêu cầu tạm ứng;

	+ Giấy bảo lãnh tiền tạm ứng (do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành); Đối với công tác đánh giá HSDT : - Không áp dụng 10.2. Thanh toán Phương thức thanh toán: Chuyển khoản 100%. - Đồng tiền thanh toán: VND. Đối với công tác khảo sát, lập BCKTKT : • Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo 02 đợt: - Đợt 1: Thanh toán 90% giá trị chi phí khảo sát, lập BCKTKT (bao gồm phần đã tạm ứng (nếu có)) được xác định trong Bảng xác định kinh phí thanh toán trên cơ sở giá trị đề nghị quyết toán toàn bộ dự án (có nhân hệ số chiết giảm giữa giá chào thầu và giá gói thầu), sau khi có Quyết định phê duyệt hồ sơ BCKTKT công trình và Nhà thầu có văn bản yêu cầu thanh toán. - Đợt 2: Thanh toán giá trị còn lại của Bảng xác định kinh phí thanh toán sau khi công trình hoàn tất thi công, nghiệm thu và đưa vào sử dụng. • Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 14 ngày làm việc cho từng đợt thanh toán, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu. • Hồ sơ thanh toán (Phù hợp theo giai đoạn thanh toán): + Hồ sơ BCKTKT xây dựng công trình gồm thuyết minh, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (tổng mức đầu tư); + Biên bản nghiệm thu BCKTKT xây dựng công trình; + Bảng tính giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng, có xác nhận của các bên liên quan, có phụ lục hợp đồng được ký kết theo đúng quy định. + Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn cần thể hiện đầy đủ các nội dung : giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc
--	--

	phát sinh (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau cùng, có xác nhận của các bên liên quan; + Thông báo chấp thuận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường UBND Phường nơi công trình sẽ được xây dựng ; + Biên bản xác nhận đã bàn giao 01 USB chứa toàn bộ các file gốc dữ liệu của sản phẩm (kèm theo danh sách phần mềm sử dụng trong quá trình thiết kế tương ứng với các file dữ liệu) ; + Bản xác nhận kinh phí thanh toán; + Hóa đơn tài chính hợp lệ; + Hồ sơ liên quan khác (nếu cần) theo yêu cầu của thủ tục thanh toán đầu tư xây dựng; Đối với công tác đánh giá HSDT: Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo 02 đợt: - Đợt 1: Thanh toán 90% giá trị chi phí đánh giá HSDT (được xác định trong Bản xác định kinh phí thanh toán sau khi có Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và Nhà thầu có văn bản yêu cầu thanh toán). - Đợt 2: Thanh toán giá trị còn lại của Bản xác định kinh phí thanh toán sau khi công trình hoàn tất thi công, nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 14 ngày làm việc cho từng đợt thanh toán, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: + Lập BCKTKT: 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày Nhà thầu giao đủ hồ sơ BCKTKT đã được hiệu chỉnh theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. + Đánh giá hồ sơ dự thầu phần không điện: 3 ngày (từ ngày mở thầu đến khi hoàn tất báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu) Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian

	dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Hợp đồng sửa đổi, bổ sung. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu.
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: trong vòng 05 ngày kể từ khi Nhà thầu nhận được văn bản đề nghị hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: - Ngày hoàn thành là: + Đối với công tác khảo sát, lập BCKTKT: 60 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày Nhà thầu giao đủ hồ sơ BCKTKT đã được hiệu chỉnh theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. - Nhà thầu Tư vấn khảo sát chịu trách nhiệm tổ chức lập, trình BCKTKT trên phần mềm IMIS theo hướng dẫn của Tập đoàn tại văn bản số 1760/EVN-ĐT ngày 02/4/2024
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng.
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 17	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng theo Quyết định số 5041/QĐ-EVNHCMC ngày 30/9/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP.HCM về việc ban hành Hướng dẫn thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại đối với hợp đồng xây dựng. * Công tác khảo sát, lập BCKTKT: a) Nguyên tắc: Nội dung vi phạm/ sai sót về chất lượng hoặc các thiếu sót trong hồ sơ tư vấn dẫn đến hậu quả: việc triển khai thực hiện không đúng quy định của pháp luật, quy

	định của cấp có thẩm quyền (Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty), quy định của hợp đồng như khảo sát thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, sai định mức, đơn giá,...; hoặc việc triển khai thực hiện gây thiệt hại cho chủ đầu tư (phát sinh chi phí, lãng phí, gây sự cố công trình, đưa ra giải pháp khảo sát, thiết kế không phù hợp dẫn đến không thể triển khai thi công trong thực tế) được quy định, như sau: - Vi phạm trong công tác khảo sát: + Vi phạm trong thu thập, tính toán các số liệu về khí tượng – thủy văn. + Vi phạm trong công tác khảo sát địa hình (đo đạc, xây dựng các mốc địa hình, các bản đồ địa hình, các mặt cắt địa hình,...). + Vi phạm trong công tác khảo sát địa chất (bản đồ địa chất công trình, công tác địa vật lý, công tác khoan/ đào địa chất, công tác bảo quản nồn khoan,...). + Vi phạm trong việc điều tra, khảo sát, thống kê, xác định khối lượng các ảnh hưởng, tác động bởi Dự án/ công trình... (diện tích chiếm đất, khối lượng bồi thường, di dân tái định cư, giải phóng mặt bằng,... các số liệu, tài liệu liên quan đến xác lập báo cáo ĐTM,...). + Vi phạm trong công tác phân tích, đánh giá kết quả và xác lập các chỉ tiêu khảo sát về khí tượng thủy văn, địa hình, địa chất (chỉ tiêu cơ lý đất đá, phân lớp địa chất công trình, động đất, kiến tạo,...). + Vi phạm trong công tác cập nhật hạ tầng ngầm. + Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan. - Vi phạm trong công tác thiết kế:
--	--

	+ Vi phạm trong việc áp dụng các tiêu chuẩn thiết kế, phân loại cấp công trình và nhóm công trình, lựa chọn tần suất tính toán thiết kế (về thủy văn, sóng, gió,...) đối với hạng mục/ công trình,.... + Vi phạm trong phân tích sự cần thiết đầu tư, phân tích kinh tế - tài chính của Dự án. + Vi phạm trong việc lựa chọn, xác định tổ hợp tải trọng tác động lên hạng mục/ công trình,... trong các trường hợp tính toán. + Vi phạm trong việc tính toán, phân tích lựa chọn phương án, lựa chọn tuyến, thiết kế bố trí hạng mục/ tổng thể công trình và các hạng mục công trình phụ trợ,.... + Vi phạm trong giải pháp thiết kế, lựa chọn công nghệ. + Vi phạm trong tính toán, thiết kế đối với từng cấu kiện, bộ phận, hạng mục, trong Hồ sơ thiết kế của Dự án/ công trình. + Vi phạm trong việc xác lập, kiến nghị biện pháp tổ chức xây dựng, biện pháp thi công hạng mục/ công trình. + Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan. + Vi phạm trong bóc tách khối lượng từ bản vẽ, bản vẽ thiết kế sai sót,... + Các vi phạm, sai sót chủ quan khác dẫn đến phải sửa đổi thiết kế trong quá trình chọn thầu, trong quá trình thi công, nghiệm thu. - Vi phạm trong công tác lập, thẩm tra chi phí: + Vi phạm trong việc tuân thủ các quy định về quản lý chi phí ĐTXD được ban hành và có hiệu lực đối với từng thời kỳ.
--	---

	+ Vi phạm trong việc tuân thủ nội dung hồ sơ kỹ thuật (khảo sát, thiết kế các giai đoạn: khối lượng, biện pháp tổ chức xây dựng/biện pháp thi công, các điều kiện tự nhiên liên quan,...). + Áp dụng/vận dụng định mức, đơn giá và các chế độ trong tính toán, xác định chi phí không đúng. + Các sai sót trong quá trình tính toán, xác định chi phí. + Vi phạm thời gian thực hiện và/hoặc không đầy đủ hồ sơ liên quan theo quy định khi trình duyệt (kể cả các tài liệu gửi qua e.mail, D.office, phần mềm quản lý ĐTXD...). + Xác định TMĐT/ĐTXD/dự toán gói thầu có giá chi phí chênh lệch lớn hơn $\pm 10\%$ so với kết quả thẩm tra, thẩm định, phê duyệt. - Các nội dung vi phạm khác: + Nội dung hồ sơ không thống nhất (do lỗi chủ quan của tư vấn) dẫn đến việc: hồ sơ dự án, thiết kế, hồ sơ mời thầu bị cơ quan có thẩm quyền/ cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trả về yêu cầu hiệu chỉnh (Sở Công Thương TP.HCM, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Sở Xây dựng TP.HCM, Bộ Xây dựng, đặc biệt là Tập đoàn Điện lực Việt Nam trả hồ sơ yêu cầu hiệu chỉnh, các nhà thầu tham dự thầu phát hiện sai sót trong hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu gửi văn bản đề nghị bên mời thầu làm rõ). + Về việc lựa chọn phương án bố trí tổng thể mặt bằng chưa tối ưu (làm ảnh hưởng đến: công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; khả năng mở rộng của công trình; khó khăn trong sửa chữa, thay thế VTTB, vận hành hệ thống,...). + Hồ sơ tư vấn, hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu làm hạn chế Nhà sản xuất, Nhà thầu tham dự.
--	---

	+ Đối với các vi phạm khác: các đơn vị nhận dạng theo hướng dẫn về xử lý sai phạm trong đầu tư xây dựng tại chương X – QĐ 70 để áp dụng cho phù hợp. b) Mức phạt: - Giá trị phạt do vi phạm về tiến độ được tính = tối đa 12 % x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) (tỷ lệ % tùy theo tính chất vi phạm do các đơn vị tự quyết định). - Giá trị phạt do vi phạm về chất lượng được tính = tỉ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) đã ký; được tính lũy kế các lần 1 phạt 5 %, lần 2 phạt 7 %, lần 3 phạt 12 %; Tổng giá trị phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng, mức phạt đạt 12 % có thể xem xét chấm dứt hợp đồng. Các Đơn vị phải yêu cầu nhà thầu chào riêng giá trị của từng hạng mục công việc như: công tác khảo sát; công tác lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật; công tác lập thiết kế, dự toán sau thiết kế cơ sở; công tác lập báo cáo môi trường; công tác lập hồ sơ mời thầu,...làm cơ sở tính giá trị phạt hợp đồng khi nhà thầu có vi phạm. * Công tác đánh giá HSDT: a) Nguyên tắc Nội dung vi phạm về chất lượng hồ sơ đánh giá HSDT được quy định như sau: - Đánh giá không đúng so với yêu cầu của HSMT; - Các nội dung sai sót khác gồm: chậm báo cáo từ 02 ngày trở lên hoặc không báo cáo tình hình đánh giá HSDT cho chủ đầu tư. b) Mức phạt:
--	---

	- Giá trị phạt do vi phạm về tiến độ được tính = tối đa 12 % x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (tỷ lệ % tùy theo tính chất vi phạm do các Đơn vị tự quyết định). - Giá trị phạt do vi phạm về chất lượng được tính = tỉ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) đã ký; được tính lũy kế các lần 1 phạt 5 %, lần 2 phạt 7 %, lần 3 phạt 12 % và xem xét chấm dứt hợp đồng. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng theo Quyết định số 5041/QĐ-EVNHCMC ngày 30/9/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP.HCM về việc ban hành Hướng dẫn thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại đối với hợp đồng xây dựng. Ngoài mức phạt hợp đồng đã được quy định ở Chương III, bên nhận thầu phải bồi thường thiệt hại tương ứng với các mức thiệt hại do lỗi của bên nhận thầu theo các nội dung quy định tại Chương III (các bên lập biên bản xác nhận thiệt hại) và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng. Mức bồi thường = Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng. Trong đó: (1) Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do bên nhận thầu gây ra như mua sắm lại VTTB, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng,... do đơn vị thiết kế, thi công, giám sát hoặc cung cấp hàng hóa gây ra (thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, lựa chọn vị trí, địa điểm không phù hợp dẫn đến thi công xong phải đập bỏ, thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố,...) (trường hợp bên nhận thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi này).
--	---

	(2) Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: - Nếu trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót hoặc chậm trễ của Bên B trong khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng này, Bên B vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó hoặc Bên B rơi vào tình trạng giải thể. - Nếu xảy ra sự kiện bất khả kháng, sau 20 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Bên B vẫn không thể thực hiện được dịch vụ; hoặc Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng. - Khi nhà thầu tư vấn chậm trễ, không đảm bảo chất lượng và bị phạt 12% giá trị hợp đồng.
E-ĐKC 20	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư: Bên B có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên A ít nhất là trước 15 ngày nếu xảy ra một trong các trường hợp sau: - Bên A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đến hạn cho Bên B theo hợp đồng này và không thuộc đối tượng tranh chấp trong vòng 14 ngày làm việc sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên B về những khoản thanh toán đã bị quá hạn. - Bên A không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ theo Hợp đồng. Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, bên B thông báo trước 45 ngày cho Bên A để chấm dứt hợp đồng.
E-ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: 1. Khi một Bên phát hiện Bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu Bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó Bên phát hiện có quyền khiếu nại Bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 3 ngày. Nếu những các căn

	cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của Bên kia. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của Bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu Bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do Bên kia đưa ra. 2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các Bên sẽ gửi đơn khiếu kiện lên Tòa án nhân dân có thẩm quyền để xử lý tranh chấp hợp đồng đúng theo quy định của pháp luật Việt Nam. Quyết định của Tòa án nhân dân có thẩm quyền là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.
E-ĐKC 23.1	Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: - Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: 1A Thuận Kiều, Phường Chợ Lớn, TP.HCM. Điện thoại: 028.2222.0567 Fax: 028.2222.0554 E-mail: dlcl@hcmnpc.com.vn - Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____